



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

---

TIỂU LUẬN HỌC PHẦN  
**KINH TẾ THƯƠNG MẠI**

**ĐỀ TÀI:**

**TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP TRONG LĨNH VỰC  
THỦY LỢI TỈNH ĐỒNG NAI, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

Nhóm thực hiện:

1. Vũ Quốc Việt (Mã số HV: 11700006)
2. Trần Nguyễn Huy Hoàng (Mã số HV: 11700003)

Lớp: 17MQLKT1

Người hướng dẫn: TS. Bùi Hồng Điệp

*Đồng Nai, tháng 9 năm 2017*

## MỤC LỤC

	<b>MỞ ĐẦU</b>	Trang 3
<b>Chương 1: Tổng quan</b>		Trang 6
1.1	Tính cấp thiết của đề tài	Trang 6
1.2	Cơ sở pháp lý	Trang 7
1.3	Mục tiêu nghiên cứu	Trang 8
1.4	Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	Trang 8
1.5	Phương pháp nghiên cứu	Trang 8
<b>Chương 2: Phân tích thực trạng, đề xuất giải pháp</b>		Trang 9
2.1	Đánh giá hiện trạng công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Trang 9
2.2	Khó khăn, tồn tại	Trang 12
2.3	Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các công trình thủy lợi	Trang 13
2.4	Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp	Trang 14
2.4.1	Mục tiêu	Trang 14
2.4.2	Nhiệm vụ	Trang 14
2.4.3	Giải pháp	Trang 15
2.5	Dự kiến đóng góp của đề tài	Trang 19
2.6	Giới hạn của đề tài	Trang 20
<b>Chương 3: Kết luận và kiến nghị</b>		Trang 22
3.1	Kết luận	Trang 22
3.1	Kiến nghị	Trang 22
	<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	Trang 23

## MỞ ĐẦU

Tỉnh Đồng Nai thuộc trung tâm vùng Miền Đông Nam bộ, với diện tích tự nhiên khoảng 5.907,236 km<sup>2</sup>, dân số tính đến hết năm 2016 khoảng 2.963.700 người.

Vị trí địa lý rất thuận lợi: tiếp giáp với Tp. Hồ Chí Minh và ở trung tâm của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đây là vùng kinh tế lớn nhất và sôi động nhất của cả nước. Hệ thống giao thông thuận lợi cả về: hàng không, đường sắt, đường bộ, đường thủy, là đầu mối giao thông trong khu vực Đông nam bộ. Điều kiện đất đai, khí hậu khá thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp nói riêng và các ngành kinh tế khác nói chung.

Nguồn nước mặt tỉnh Đồng Nai được cung cấp bởi các sông lớn thuộc hệ thống sông Đồng Nai gồm các dòng sông chính: Sông Đồng Nai, sông La Ngà, sông Bé. Bên cạnh những dòng sông chính này, tỉnh Đồng Nai còn có các nhánh sông lớn đáng kể như: sông Buông, sông Thị Vải, sông Ray, sông Dinh. Tổng lượng nước mặt hàng năm tỉnh Đồng Nai nhận được từ hệ thống sông Đồng Nai và các suối nhỏ khác là 26,545 tỷ m<sup>3</sup>.

Đồng Nai là tỉnh có nền nông nghiệp phát triển với diện tích đất nông nghiệp chiếm 60% diện tích tự nhiên, với các loại cây trồng đa dạng phong phú bao gồm các loại cây công nghiệp như cao su, cà phê, ca cao, điều, tiêu; các loại cây nông nghiệp như: lúa, bắp, khoai lang, đậu phộng và nhiều loại trái cây có giá trị như sầu riêng, xoài, cam, quýt, chôm chôm, nhãn, mít cũng như các sản phẩm rau màu, sản phẩm chăn nuôi như: heo, gà, bò thịt và bò sữa...

Trong những năm gần đây, tỉnh Đồng Nai đã đẩy mạnh phát triển các khu công nghiệp tập trung để phát huy lợi thế về vị trí của mình. Hàng loạt các khu công nghiệp mới được thành lập đã thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư của cả trong và ngoài nước đã tạo thêm được nhiều việc làm và tăng thêm nguồn thu cho nền kinh tế trong tỉnh và cả nước. Nền kinh tế của Đồng Nai đã và đang chuyển dịch từ nông nghiệp đóng vai trò chủ yếu (năm 1990) sang công nghiệp là chủ yếu (2003) và hiện nay hai ngành công nghiệp và dịch vụ đang đóng vai trò chủ đạo đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế của tỉnh. Đồng thời với phát triển công nghiệp và dịch vụ, phát triển nông nghiệp vẫn luôn được tỉnh hết sức quan tâm, công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia

tăng và phát triển bền vững đang được tỉnh tập trung thực hiện, sự phát triển và mở rộng các khu vực sản xuất nông nghiệp truyền thống, kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại và đã và đang biến đổi theo hướng tích cực và ngày càng đòi hỏi cao về nguồn nước phục vụ tưới, tiêu và bảo vệ môi trường.

Cơ cấu kinh tế đang chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa-hiện đại hóa, kết quả năm 2015 ngành công nghiệp xây dựng chiếm 56,7%; ngành dịch vụ chiếm 37,7%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 5,6%; định hướng đến năm 2020, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 55 - 56%, dịch vụ chiếm 39,5 - 40,5%, nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 4,5 - 5,5%.

Với mục tiêu đặt ra giai đoạn 2016-2020, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 6,0 - 6,5%/năm, ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Nai đang triển khai thực hiện tái cơ cấu theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh của các ngành hàng nông nghiệp. Do đó, cần thực hiện đồng bộ các nội dung: từ tái cơ cấu sử dụng các nguồn lực, tái cơ cấu công nghệ sản xuất, tái cơ cấu về hình thức tổ chức sản xuất và đặc biệt là tái cơ cấu về các chủ thể sản xuất kinh doanh nhằm gia tăng về hiệu quả và chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu khách hàng... Với các nội dung này, cần có sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, xã hội vào quá trình tái cơ cấu ngành. Nông dân và doanh nghiệp trực tiếp đầu tư đổi mới quy trình sản xuất, công nghệ và thiết bị để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn.

Để góp phần thực hiện hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp, công tác lập quy hoạch, kế hoạch đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi bền vững trong lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng đã được đặt ra và đang được các ngành, các cấp trong tỉnh tập trung thực hiện. Công tác quản lý, khai thác, sử dụng khai thác công trình, nhằm đảm bảo ổn định bền vững đã được chú trọng; các cơ chế, chính sách trong lĩnh vực thủy lợi của tỉnh đã và đang được hoàn thiện, bổ sung; nhiều công trình đã và đang phát huy hiệu quả cao, bên cạnh đó không ít công trình còn tồn tại, như: ý thức bảo vệ công trình, việc sử dụng nước còn lãng phí, nhiều hộ dân chưa thực hiện nghĩa vụ đóng góp phí thủy nông nội đồng, nên cũng ảnh hưởng đến sự an toàn công trình, cũng như hiệu quả phục vụ.

Việc thực hiện đề tài “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong lĩnh vực thủy lợi tỉnh Đồng Nai, nhiệm vụ và giải pháp”, với cách nghiên cứu, tiếp cận một cách khoa học, sát với thực tiễn, sẽ góp phần quan trọng đối với sự phát triển lĩnh vực thủy lợi nói riêng và phát triển kinh tế nông nghiệp nói chung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong những năm tiếp theo.

# Chương I

## TỔNG QUAN

### 1.1. Tính cấp thiết của đề tài

Đồng Nai là một tỉnh có nền nông nghiệp phát triển. Đến nay với diện tích đất nông nghiệp chiếm khoảng 60% diện tích tự nhiên và có các loại cây trồng đa dạng phong phú. Sự phát triển nông nghiệp của tỉnh trong những năm qua luôn gắn liền với phát triển của ngành Thủy lợi.

Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, các hoạt động liên quan đến phát triển tài nguyên nước diễn ra ngày càng mạnh mẽ do nhu cầu sử dụng nước của các đơn vị sử dụng nước không ngừng tăng cao kể cả chất và lượng. Các hoạt động nhằm cung cấp, phân phối nguồn nước cho các nhu cầu sử dụng nước là một trong những yếu tố quan trọng cho sự phát triển của xã hội. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để khai thác sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030.

Qua nghiên cứu đánh giá các kết quả thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thủy lợi trong các giai đoạn từ 1975 đến nay cho thấy tồn tại lớn nhất trong công tác thủy lợi là đầu tư xây dựng chưa đồng bộ, công tác quản lý khai thác chưa đáp ứng yêu cầu. Sự phối hợp giữa đơn vị quản lý công trình với địa phương cấp xã, nơi có công trình thủy lợi chưa chặt chẽ, nên còn xảy ra hiện tượng vi phạm hành lang an toàn bảo vệ công trình.

Việc phân cấp đầu tư, tổ chức quản lý, khai thác công trình còn chưa đồng bộ và thống nhất, quy trình vận hành, quản lý không được xây dựng kịp thời. Công trình khi xây dựng xong thường được bàn giao qua nhiều đơn vị quản lý, mối quan hệ giữa đơn vị quản lý và chính quyền địa phương chưa chặt chẽ, nên còn xảy ra hiện tượng lấn chiếm đất công trình. Tổ chức quản lý, điều tiết nước ở trên mặt ruộng chưa được xây dựng hoặc quyền hạn chưa được rõ ràng, cụ thể, nên còn hoạt động cầm chừng. Công tác tuyên truyền giáo dục cho nhân dân nói chung và người sử dụng nước nói riêng về ý thức bảo vệ công trình, sử dụng nước tiết kiệm và nghĩa vụ đóng góp phí thủy lợi nông nội đồng chưa được sâu rộng, nên ảnh hưởng lớn đến sự an toàn và hiệu quả hoạt động.

Nhu cầu nước ngày càng tăng theo yêu cầu phát triển của xã hội, dưới tác động của biến đổi khí hậu - nước biển dâng làm diễn biến nguồn nước ngày càng thay đổi theo chiều hướng bất lợi làm cho năng lực phục vụ của công trình không còn đúng như thiết kế ban đầu. Mặt khác, do biến động về chuyển đổi mục đích sử dụng đất ở các công trình, làm cho diện tích phục vụ giảm dần dẫn đến hiệu quả của công trình có sự thay đổi.

Vì những lý do trên việc nghiên cứu, xây dựng thực hiện đề tài “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong lĩnh vực thủy lợi tỉnh Đồng Nai, nhiệm vụ và giải pháp” có vị trí rất quan trọng và cần thiết đối với sự phát triển ngành nông nghiệp nói chung, cũng như trong lĩnh vực phát triển thủy lợi nói riêng trong những năm sắp tới.

## **1.2. Cơ sở pháp lý**

Quyết định số 794/QĐ-BNN-TCTL ngày 21 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành thủy lợi;

Quyết định số 802/QĐ-BNN-TCTL ngày 22 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Chương trình hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành thủy lợi;

Quyết định số 4335/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đề án thực hiện “Chương trình hành động ứng phó với biến đổi khí hậu ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 4227/QĐ-UBND ngày 21/12/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sản xuất nông nghiệp tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 13/4/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Nai theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

### **1.3. Mục tiêu nghiên cứu**

Đánh giá hiện trạng công tác tổ chức, nguồn nhân lực trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; những khó khăn, tồn tại.

Đánh giá công tác đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng các công trình thủy lợi.

Đánh giá hiệu quả hoạt động của các công trình thủy lợi, khó khăn, tồn tại.

Nghiên cứu đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện tái cơ cấu trong lĩnh vực thủy lợi.

### **1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **1.4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu là các yếu tố liên quan để thực hiện tái cơ cấu trong lĩnh vực thủy lợi.

#### **1.4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi nghiên cứu là các hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

### **1.5. Phương pháp nghiên cứu**

Phương pháp điều tra, thu thập bổ sung tài liệu, số liệu; phương pháp kế thừa; phương pháp tổng hợp, phân tích, xử lý số liệu.



## **Chương 2**

### **phân tích thực trạng, đề xuất giải pháp**

#### **2.1. Phân tích thực trạng**

##### **2.1.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi**

Đối với cấp tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước là Sở Nông nghiệp và PTNT, trong đó trực tiếp là Chi cục Thủy lợi. Đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh là Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi.

Đối với cấp huyện: Đã có 9 địa phương thành lập Ban Quản lý khai thác công trình thủy lợi là: Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Trảng Bom, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, TX. Long Khánh. Đối với Tp. Biên Hòa, UBND thành phố giao công trình thủy lợi cho 02 hợp tác xã quản lý. Riêng tại huyện Long Thành, chưa thành lập đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi, Phòng Kinh tế hiện đang đảm nhận nhiệm vụ quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn theo phân cấp.

Đối với cấp xã: Những công trình do xã quản lý, UBND xã cử 01 cán bộ phụ trách, theo dõi. Đối với những tuyến kênh mương từ sau cống đầu kênh nội đồng đến mặt ruộng được phân cấp quản lý, UBND xã thành lập các tổ thủy nông cơ sở để quản lý khai thác và sử dụng.

##### **2.1.2. Tình hình hoạt động của các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi**

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai, là doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước, đơn vị đã thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu như: Quản lý khai thác tổng hợp các công trình thủy lợi trên địa bàn: Cấp nước tưới, ngăn mặn, xả phèn phục vụ sản xuất nông nghiệp; cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp, sinh hoạt; hợp đồng thuê mặt nước nuôi trồng thủy sản; chủ đầu tư các dự án xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi; tư vấn dự án đầu tư, khảo sát, thiết kế, giám sát thi công công trình thủy lợi, giao thông dân dụng; nhận thầu thi công các công trình thủy lợi, giao thông dân dụng thuộc dự án nhóm C. Kinh phí thu được từ các hoạt động kinh doanh, thu tiền cấp nước công nghiệp, sinh hoạt, nguồn miễn thủy lợi phí... đảm bảo cho các hoạt động quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ công trình.

Ban Quản lý và khai thác công trình thủy lợi các huyện: Hầu hết mới thành lập trong giai đoạn năm 2012 - 2013, đến nay cơ bản đã tập trung vào thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu trong quản lý khai thác công trình thủy lợi như: Quản lý, bảo vệ công trình, quản lý điều tiết nước. Tuy nhiên do còn khó khăn về kinh phí hoạt động, thiếu và yếu về nhân lực nên những nhiệm vụ như: Tổ chức, quản lý kinh tế đang từng bước hoàn thiện theo quy định.

Các tổ thủy nông cơ sở do UBND xã thành lập với số lượng theo quy mô phục vụ của từng công trình (mỗi công trình có từ 01 đến 04 người) đều là lao động trực tiếp, trong đó 01 người thực hiện quản lý, bảo vệ công trình 12 tháng trong năm, số còn lại được hợp đồng theo thời vụ để làm nhiệm vụ điều tiết nước tưới tại khu tưới trong mỗi vụ sản xuất (6 tháng mùa khô).

Hầu hết các công trình thủy lợi hoạt động chủ yếu cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, một số ít có phục vụ công nghiệp nên nguồn thu của các đơn vị quản lý công trình chỉ từ nguồn kinh phí cấp bù thực hiện miễn thủy lợi phí để chi trả tiền công, tiền điện, tiền duy tu sửa chữa nhỏ; kết quả thu phí thủy nông nội đồng còn hạn chế.

### **2.1.3. Tình hình nguồn nhân lực**

Hiện nay nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi có 227 người, trong đó cán bộ kỹ thuật thủy lợi là 62 người (Đại học: 39 người, Cao đẳng: 4 người, Trung cấp: 19 người), đã qua đào tạo tập huấn là 132 người (chủ yếu là công nhân), còn lại là các chuyên ngành khác (cơ điện).

### **2.1.4. Kết quả đầu tư xây dựng công trình thủy lợi giai đoạn 2006 - 2016**

a. Dự án đã hoàn thành:

Tổng số 40 dự án, với tổng kinh phí đầu tư là 1.030.436 triệu đồng, trong đó:

- Số dự án công trình phục vụ tưới là 14 dự án, với tổng kinh phí đầu tư là 424.185 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 41,16% so với tổng số vốn đầu tư.

- Số dự án công trình phục vụ tiêu là 6 dự án, với tổng kinh phí đầu tư là 532.839 triệu đồng (bao gồm 01 dự án đang thi công - dự án nạo vét suối Săn Máu), chiếm tỷ lệ 51,71% so với tổng số vốn đầu tư.

- Số dự án kiên cố hóa kênh mương là 19 dự án, với tổng kinh phí đầu tư là 71.918 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 6,98% so với tổng số vốn đầu tư.

- Số dự án sửa chữa nâng cấp là 01 dự án, với kinh phí đầu tư là 1.000 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,01% so với tổng số vốn đầu tư.

b. Dự án đang triển khai:

- Tổng số dự án thủy lợi đang triển khai là 62 dự án (22 dự án do cấp tỉnh làm chủ đầu tư, 39 dự án cấp huyện làm chủ đầu tư, 01 dự án do Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai làm chủ đầu tư).

- Phân theo Chủ đầu tư:

+ Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng tỉnh: 08 dự án;

+ Cty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi: 12 dự án;

+ Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai: 01 dự án;

+ Chi cục Thủy lợi: 02 dự án;

+ UBND các huyện, thị xã Long Khánh, TP Biên Hòa: 39 dự án.

### **2.1.5. Cơ cấu công trình thủy lợi phục vụ sản xuất**

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 120 công trình thủy lợi, gồm: 14 hồ chứa, 47 đập dâng, 33 trạm bơm, 26 công trình tạo nguồn, ngăn mặn, tiêu thoát lũ. Các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh đã và đang phát huy hiệu quả, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó: Cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp là 19.179 ha, cấp nước phục vụ công nghiệp và sinh hoạt 33.323 m<sup>3</sup>/ngày, ngăn mặn và ngăn lũ 9.594 ha.

Hiệu quả phục vụ theo thiết kế:

- Cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp bình quân đạt 80%.

- Cấp nước công nghiệp đạt 20,1%.

- Ngăn mặn và tiêu thoát lũ đạt 100%.

### **2.1.6. Về quy hoạch Thủy lợi.**

- Giai đoạn năm 2017 - 2020, tổng số dự án xây dựng là 61 (trong đó số công trình phục vụ tưới: 30, tiêu: 13, nâng cấp: 18), dự kiến tổng kinh phí thực hiện

khoảng 4.289.774 triệu đồng, diện tích tưới tăng thêm là 17.266 ha, tiêu thoát nước cho 19.940 ha, công suất cấp nước là 50.150 m<sup>3</sup>/ngày.

- Giai đoạn năm 2021 - 2025, tổng số dự án xây dựng là 75 (trong đó số công trình phục vụ tưới: 56, tiêu: 16, nâng cấp: 03), dự kiến tổng kinh phí thực hiện khoảng 5.735.350 triệu đồng, diện tích tưới là 41.975 ha, tiêu thoát nước cho 39.550 ha, công suất cấp nước là 23.700 m<sup>3</sup>/ngày.

- Giai đoạn 2026 - 2035, tổng số dự án xây dựng là 89 (trong đó số công trình phục vụ tưới: 87, tiêu: 02), dự kiến tổng kinh phí thực hiện khoảng 5.127.198 triệu đồng, diện tích tưới tăng thêm là 37.430 ha tưới, tiêu thoát nước cho 100 ha, công suất cấp nước là 2000 m<sup>3</sup>/ngày.

## **2.2. Khó khăn, tồn tại**

- Quy hoạch thủy lợi được thực hiện từ năm 1991, đến năm 2006 và 2011 được rà soát, bổ sung, tuy nhiên do biến động chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp ở khu vực dự kiến xây dựng công trình thủy lợi, do sự phát triển mạnh mẽ của sản xuất nông nghiệp như: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, triển khai chương trình cây trồng, vật nuôi chủ lực... dẫn đến quy hoạch thủy lợi không còn phù hợp với thực tế tình hình sản xuất nông nghiệp.

- Việc đầu tư khai thác sử dụng nguồn nước phục vụ sản xuất từ công trình thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu (hiện nay diện tích phục vụ từ các công trình thủy lợi là 16.276 ha, đạt khoảng gần 10% so với tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp).

- Năng lực hoạt động của một số Ban quản lý khai thác công trình thủy lợi còn hạn chế, mặt khác do nguồn kinh phí hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn cấp bù miễn thủy lợi phí nên hoạt động gặp nhiều khó khăn.

- Công tác quản lý, vận hành, điều tiết nước ở các công trình thủy lợi, nhất là các hồ chứa, còn mang tính thủ công, chưa được đầu tư hiện đại hóa.

- Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng còn chậm so với kế hoạch đề ra. Đồng thời, nguồn kinh phí bố trí cho các dự án còn hạn chế, không đáp ứng kịp thời để thực hiện dự án.

- Hệ thống kênh mương đang hoạt động hiện nay, được thiết kế theo hướng phục vụ tưới lúa là chủ yếu, chưa đáp ứng với yêu cầu phục vụ cây công nghiệp, cây ăn trái, rau, màu ...

- Công tác thành lập các tổ chức hợp tác dùng nước ở cấp xã, để quản lý kênh mương nội đồng theo phân cấp chưa được quan tâm thực hiện, dẫn đến công tác tu bổ, bảo dưỡng và sửa chữa, nâng cấp, kiên cố hóa kênh mương nội đồng chưa đáp ứng với yêu cầu, ảnh hưởng đến việc xây dựng xã đạt tiêu chí nông thôn mới.

- Việc quy hoạch vùng sản xuất tập trung, quy hoạch cánh đồng lớn chưa gắn kết với quy hoạch thủy lợi dẫn đến khó khăn trong việc tạo nguồn nước cũng như xây dựng hệ thống tưới tiết kiệm để phục vụ sản xuất.

- Nhiệm vụ của các công trình thủy lợi trước đây chủ yếu phục vụ cho cây lúa, hình thức tưới khác với các loại cây trồng khác; hiện nay do yêu cầu phát triển nhiều loại cây trồng có giá trị năng suất cao, do đó phải thay đổi hình thức tưới cho phù hợp với từng loại cây trồng dẫn đến hình thức tưới của một số công trình không còn phù hợp.

### **2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện mục tiêu tái cơ cấu thủy lợi**

Các cơ chế, chính sách đã và đang được hoàn thiện, Luật Thủy lợi có hiệu lực từ 01/7/2017, tuy nhiên chưa có các Nghị định, Thông tư ban hành kèm theo, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện.

Quy hoạch thủy lợi đến 2025 tỉnh Đồng Nai đã được phê duyệt, tuy nhiên do nguồn ngân sách hạn chế, nên việc thực hiện quy hoạch khó đáp ứng với yêu cầu.

Năng lực, trình độ nguồn nhân lực cần tiếp tục được đào tạo do chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Trong những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến bất thường, lượng mưa trong năm phân bố không đều, ảnh hưởng đến năng phục vụ của công trình, có năm tổng lượng mưa cả năm chỉ đạt khoảng 90% so với trung bình nhiều năm, dẫn đến công tác điều tiết nước, bố trí thời vụ, xây dựng kế hoạch sản xuất phải điều chỉnh cho phù hợp.

Hệ thống kênh mương nội đồng chưa hoàn chỉnh, tỷ lệ kênh mương được kiên cố hóa mới đạt khoảng 45%, ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng nước, cần phải tiếp tục đầu tư để nâng cao hiệu quả phục vụ của từng công trình.

Hệ thống kênh mương trước đây chỉ thiết kế phục vụ tưới lúa, nay trước bối cảnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng để nâng cao hiệu quả kinh tế, cần phải tính toán, thiết kế, bố trí phù hợp.

Trình độ cán bộ, công nhân kỹ thuật ở một số đơn vị quản lý chưa đáp ứng yêu cầu, cần phải tiếp tục đào tạo, tập huấn, kể cả đào tạo lại.

Một số địa phương còn giao công trình thủy lợi cho UBND xã quản lý (như huyện Long Thành), dẫn đến công tác quản lý, khai thác công trình chưa đáp ứng yêu cầu, cần phải có đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ này.

Hư hỏng tại các công trình thủy lợi cần được sửa chữa kịp thời, nếu không sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả phục vụ sản xuất, cũng như vấn đề an toàn công trình.

## **2.4. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp**

### **2.4.1. Mục tiêu**

Nâng cao hiệu quả trong quản lý, quy hoạch, đầu tư xây dựng, khai thác sử dụng công trình thủy lợi đáp ứng yêu cầu quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp tỉnh Đồng Nai; phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế - xã hội; nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH); góp phần hiện đại hóa cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

### **2.4.2. Nhiệm vụ**

Lập quy hoạch thủy lợi chi tiết ở cấp huyện phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Ưu tiên đầu tư xây dựng công trình thủy lợi phục vụ cánh đồng lớn, vùng sản xuất tập trung, phục vụ đa mục tiêu.

Củng cố, phát triển hệ thống thủy lợi nội đồng, gắn với xây dựng nông thôn mới: Nâng cấp kiên cố hóa kênh mương thủy lợi nội đồng, đáp ứng yêu cầu canh tác để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, nâng cao thu nhập của người nông dân; rà soát, củng cố tổ chức thủy nông cơ sở (Hợp tác xã, tổ hợp tác) bền vững.

Nâng cao năng lực các tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi: Nâng cao hiệu quả quản lý, đổi mới cơ chế hoạt động của bộ máy tổ chức các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi; nâng cao chất lượng cung cấp nước tưới, tiêu

phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt; nâng cao chất lượng các công trình thủy lợi, hạn chế và khắc phục tình trạng xuống cấp, bảo đảm công trình hoạt động ổn định bền vững, từng bước hiện đại hóa công tác quản lý.

Phát triển hệ thống thủy lợi nhằm chủ động thực hiện công tác tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại: Đẩy mạnh phát triển trên diện rộng các mô hình tưới nước tiên tiến, tiết kiệm nước cho các cây trồng cạn chủ lực: cà phê, tiêu, cây điều, cây mía, cây ăn quả, rau, hoa...

Tăng cường đầu tư xây dựng công trình thủy lợi phục vụ vùng thâm canh nuôi trồng thủy sản.

Nâng cao mức bảo đảm an toàn trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp, biện pháp phòng, chống thiên tai; bảo đảm an toàn các hồ đập chứa nước. Chủ động phòng, chống, né tránh hoặc thích nghi để giảm thiểu tổn thất do thiên tai gây ra, bảo vệ an toàn cho dân cư, đảm bảo ổn định và phát triển sản xuất bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Nâng cao hiệu quả quản lý nhằm hạn chế rủi ro thiên tai và bảo đảm an toàn đập bằng áp dụng các công nghệ tiên tiến và nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, trong đó ưu tiên các giải pháp phi công trình.

Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn theo hướng bền vững cả về kỹ thuật, chất lượng, mô hình quản lý và tài chính.

### **2.4.3. Giải pháp thực hiện**

2.4.3.1. Tuyên truyền, phổ biến và quán triệt nội dung tái cơ cấu lĩnh vực thủy lợi

- Phổ biến và quán triệt nội dung tái cơ cấu đến tất cả các địa phương, Sở ngành, đơn vị liên quan.

- Các Sở ngành, địa phương, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch trong từng lĩnh vực cụ thể theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2.4.3.2. Nâng cao chất lượng quy hoạch thủy lợi; tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước đối với quy hoạch

- Rà soát toàn bộ hệ thống công trình thủy lợi, công trình cấp nước sạch nông thôn, bao gồm: Cơ sở hạ tầng, tổ chức quản lý, khai thác và cơ chế vận hành.

- Xây dựng quy hoạch thủy lợi chi tiết ở các huyện, thị xã Long Khánh và Tp. Biên Hòa.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án quy hoạch tổng thể lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020.

- Tổ chức kiểm định an toàn đập các hồ chứa và đề xuất biện pháp xử lý các hồ có nguy cơ mất an toàn, để đảm bảo an toàn đập và vùng hạ du.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quy hoạch: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch thủy lợi trên toàn tỉnh và đình chỉ các hành vi vi phạm quy hoạch được duyệt; xóa bỏ quy hoạch treo, minh bạch hóa quy hoạch.

#### 2.4.3.3. Hoàn thiện thể chế

- Rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thủy lợi, nâng cao vai trò chủ thể của người dân và các bên có liên quan trong lĩnh vực thủy lợi;

- Rà soát hoàn thiện các định mức kinh tế-kỹ thuật trong lĩnh vực xây dựng, quản lý khai thác công trình thủy lợi; đảm bảo an toàn đập;

- Áp dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách thúc đẩy hình thức hợp tác công - tư trong lĩnh vực thủy lợi, nước sạch nông thôn.

#### 2.4.3.4. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư công và tiếp tục thực hiện các Chương trình, Đề án

a. Rà soát quy hoạch thủy lợi đã được duyệt để lựa chọn danh mục dự án đầu tư ưu tiên đến năm 2020 phù hợp với Chiến lược tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp của tỉnh. Cụ thể như sau:

- Ưu tiên đầu tư cho các công trình thủy lợi phục vụ xây dựng nông thôn mới, những vùng quy hoạch phát triển cây trồng chủ lực, vùng quy hoạch cánh đồng mẫu lớn, cung cấp nước cho dân sinh, công nghiệp, phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- Tập trung vốn đầu tư cho các công trình thủy lợi đầu mối, công trình trọng điểm; ưu tiên đầu tư các dự án ngăn lũ, thoát lũ, điều tiết lũ, chống ngập úng tại đô thị; nâng cấp, duy tu, bảo dưỡng công trình sau đầu tư; củng cố hệ thống thủy lợi nội đồng để áp dụng phương thức canh tác tiên tiến; xây dựng hồ chứa nước ở những khu vực thường xảy ra hạn hán.



b. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc đề xuất mới về cơ chế chính sách đầu tư thủy lợi, thu hút nguồn vốn đầu tư cho phát triển thủy lợi

- Xây dựng tiêu chí, phân loại các dự án đầu tư thủy lợi sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, dự án sử dụng nguồn đầu tư tín dụng, nguồn xã hội hóa (vốn tư nhân, PPP); xây dựng cơ chế để thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn.

- Rà soát, phân loại và lập danh mục các dự án thủy lợi, dự án nước sạch nông thôn có khả năng thực hiện cơ chế công tư kết hợp (PPP).

c. Tăng cường công tác quản lý đầu tư

Nâng cao chất lượng lựa chọn các dự án đầu tư, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội - môi trường làm tiêu chí cơ bản để quyết định lựa chọn dự án đầu tư; công khai, minh bạch trong đầu tư; tăng cường công tác giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư; bố trí vốn tập trung, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán và không đồng bộ; phân bổ, quản lý và giám sát sử dụng vốn đầu tư theo quy hoạch và kế hoạch trung hạn.

d. Tiếp tục thực hiện các Chương trình, Đề án

- Tiếp tục thực hiện Chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Đề án cấp nước sạch nông thôn tỉnh Đồng Nai năm 2015 và giai đoạn 2016 - 2020.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, tập trung vào công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm ứng phó với thiên tai: Bão, lốc xoáy, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất.

2.4.3.5. Gắn kết việc đầu tư xây dựng công trình thủy lợi với những vùng sản xuất tập trung, vùng quy hoạch cánh đồng lớn.

- Theo quy hoạch sản xuất nông nghiệp tỉnh Đồng Nai, tầm nhìn đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh quy hoạch 95 cánh đồng lớn chuyên canh nhóm cây ngắn ngày (rau, hoa, lương thực và cây công nghiệp ngắn ngày); 95 cánh đồng lớn chuyên canh cây công nghiệp lâu năm và 68 cánh đồng lớn chuyên canh ăn quả lâu năm; tổng diện tích đất quy hoạch cánh đồng lớn 159.785 ha.

- Năng lực tưới của các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh phục vụ cho cánh đồng lớn đạt khoảng 14.201 ha. Hiện còn khoảng 145.584 ha chưa được tưới từ công trình thủy lợi. Để tạo nguồn nước và tưới cho phần diện tích này và những vùng sản xuất ngoài quy hoạch cánh đồng lớn cần phải đầu tư khoảng 8.836 tỷ đồng.

- Năm 2017, tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng các công trình đã được UBND tỉnh, các huyện phê duyệt, với kế hoạch kinh phí cấp năm 2017: 221,31 tỷ đồng.

- Giai đoạn năm 2017 - 2020, tổng số dự án xây dựng là 62 (trong đó số công trình phục vụ tưới: 30, tiêu: 14, nâng cấp: 18), dự kiến tổng kinh phí thực hiện khoảng 4.319.774 triệu đồng, diện tích tưới tăng thêm là 17.266 ha, tiêu thoát nước cho 20.340 ha, công suất cấp nước là 50.150 m<sup>3</sup>/ngày.

- Giai đoạn đến 2030, tiếp tục rà soát đầu tư xây dựng các công trình phục vụ tưới theo quy hoạch thủy lợi để phục vụ cho phần diện tích đất nông nghiệp còn lại.

#### 2.4.3.6. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ

- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ, áp dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách để đẩy mạnh việc thực hiện tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây công nghiệp chủ lực.

- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ, đề xuất cơ chế, chính sách để phát triển hệ thống công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung.

- Nghiên cứu áp dụng các công nghệ tiên tiến, để nâng cao năng lực dự báo trong phòng chống thiên tai, đảm bảo an toàn đập và phòng chống lũ cho hạ lưu, quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ tiên tiến phục vụ thiết kế, thi công các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, chống ngập úng đô thị.

#### 2.4.3.7. Củng cố bộ máy quản lý nhà nước

- Nâng cao năng lực hoạt động của Phòng Nông nghiệp và PTNT – Phòng Kinh tế các huyện, thị xã Long Khánh, Tp. Biên Hòa; UBND các xã, phường, thị

trấn trong lĩnh vực thủy lợi. Đến năm 2020, 100% địa phương (các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa) có kỹ sư thủy lợi.

- Rà soát, củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực hoạt động của Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai các cấp từ tỉnh đến huyện, xã.

2.4.3.8. Tăng cường năng lực hoạt động của các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi

Rà soát tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực hoạt động của Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi và Đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi ở các huyện, TX. Long Khánh; củng cố về tổ chức, năng lực tạo sự chuyển biến mạnh mẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức thủy nông cơ sở (HTX, tổ hợp tác dùng nước, tổ thủy nông).

2.4.3.9. Đào tạo nâng cao nghiệp vụ đội ngũ cán bộ, công chức, công nhân trong lĩnh vực thủy lợi.

- Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy lợi, trọng tâm là cán bộ cấp huyện, cấp xã;

- Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại cho các đội ngũ quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi, đặc biệt là đội ngũ quản lý hồ, đập, quản lý thủy nông cơ sở.

- Đào tạo, nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng cho cán bộ làm công tác phòng, chống thiên tai từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã.

## **2.5. Dự kiến đóng góp của đề tài**

Việc nghiên cứu và ứng dụng đề tài đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của công trình thủy lợi, như: công tác khảo sát, thiết kế, đầu tư xây dựng; công tác quản lý, bảo vệ, xác định được những vấn đề còn tồn tại, vướng mắc, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả. Cụ thể:

- Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến quy mô, công suất phục vụ của công trình, kể cả trong giai đoạn đầu tư xây dựng, cũng như trong công tác quản lý, khai thác, sử dụng.

- Đánh giá được trình độ cán bộ, công nhân kỹ thuật ở các đơn vị quản lý công trình, từ đó lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp.

- Sự đầu tư chưa đồng bộ từ công trình đầu mối (cống, đập, tràn, trạm bơm) đến hệ thống kênh mương (kết hợp giao thông nội đồng vận chuyển sản phẩm nông nghiệp), từ đó lập kế hoạch đầu tư hoàn thiện.

- Sự chưa phù hợp của hệ thống kênh mương hiện có đối với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nhằm tạo ra giá trị gia tăng đối với sản phẩm nông nghiệp, từ đó tiếp tục khảo sát, lập kế hoạch mở rộng phạm vi phục vụ.

- Việc chưa xử lý lý dứt điểm các hành vi vi phạm, dẫn đến phát sinh những trường hợp mới, khó xử lý.

- Công tác quản lý, khai thác công trình cần phải do đơn vị chuyên ngành thực hiện, phải được hiện đại hóa mới mang lại hiệu quả cao.

## **2.6. Giới hạn của đề tài**

- Trong bối cảnh cả nước đang thực hiện Đề án tinh giản biên chế của Chính phủ, khó bổ sung được nguồn nhân lực trong các đơn vị quản lý, khai thác công trình theo nhu cầu.

- Một số đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi ở địa phương chưa bố trí được cán bộ kỹ thuật chuyên môn thủy lợi. Bên cạnh đó, thủ trưởng một số đơn vị được điều động từ các cơ quan không chuyên (từ UBND xã, văn phòng UBND huyện, như huyện: Xuân Lộc, huyện Trảng Bom) dẫn đến công tác lãnh đạo, điều hành đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác công trình.

- Tập quán canh tác của người dân còn làm theo thói quen, chưa tuân thủ hướng dẫn của các đơn vị quản lý công trình, nhất là trong việc tuân thủ lịch thời vụ, lịch điều tiết nước ở công trình thủy lợi, ảnh hưởng đến hiệu quả cấp nước. Vấn đề này chưa thể giải quyết được ngay, cần phải có thời gian tuyên truyền, vận động.

- Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, các yếu tố khí tượng thủy văn biến đổi, ảnh hưởng đến quy mô công trình, dẫn đến kinh phí đầu tư lớn hơn nhiều, trong khi nguồn ngân sách còn hạn chế, khó có khả năng tăng quy mô công trình trong thời gian ngắn.

## **Chương 3**

### **kết luận và kiến nghị**

#### **3.1. Kết luận**

Kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy việc thực hiện tái cơ cấu trong lĩnh vực thủy lợi tỉnh Đồng Nai là hết sức cần thiết. Để thực hiện có hiệu quả việc tái cơ cấu cần có sự tham gia đồng bộ của các ngành, các địa phương, đơn vị liên quan của tỉnh. Trong đó cần tập trung hoàn thiện các cơ chế chính sách trong lĩnh vực chuyên ngành; đầu tư xây dựng mới công trình thủy lợi hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm; thực hiện sửa chữa, nâng cấp, xây dựng kiên cố hóa kênh mương nâng cao hiệu quả công trình; khai thác, sử dụng hiệu quả công trình để phục vụ cấp nước tưới, công nghiệp và sinh hoạt. Đồng thời nâng cao năng lực, trình độ cho nguồn nhân lực (cán bộ, công nhân kỹ thuật); mua sắm, thay thế máy móc, trang thiết bị còn cũ kỹ, lạc hậu để đáp ứng với yêu cầu. Với mục tiêu, nhiệm vụ đã được xác định, việc triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp với lộ trình phù hợp sẽ tạo ra nguồn nước ổn định, góp phần nâng cao năng suất, sản lượng và tạo ra giá trị gia tăng sản phẩm nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

#### **3.2. Kiến nghị**

Kiến nghị cấp có thẩm quyền tiếp tục tăng tỷ lệ nguồn vốn ngân sách để đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng công trình thủy lợi; rà soát, đánh giá năng lực công trình để ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cho nguồn nhân lực trong lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn tỉnh; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách trong lĩnh vực thủy lợi, đồng thời huy động sự tham gia của người dân đóng góp ngày công, kinh phí để xây dựng và hoàn thiện hệ thống kênh mương nội đồng.